

TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 234/2025/HS-PT
Ngày: 10-9-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Ông Ngô Mạnh Cường

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Châu Loan, Thư ký viên Tòa phúc thẩm
Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Văn T, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 572/2025/TLPT-HS ngày 30/6/2025, đối với bị cáo Nguyễn Văn S và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2025/HS-ST ngày 28/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 214/2025/QĐXXPT-HS ngày 22/8/2025

- *Các bị cáo có kháng cáo:*

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1979, tại tỉnh Sóc Trăng; Nơi thường trú: 19A, Nguyễn Văn L, khóm F, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng - nay là phường P, thành phố Cần Thơ; Nơi tạm trú: 1 L, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng - nay là phường P, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L1 (chết) và bà Trương Thị N; Có vợ là Nguyễn Thị L2 (đã ly hôn) và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

- Ngày 05/5/1999, bị Cơ quan CSĐT - Công an thị xã S, tỉnh Sóc Trăng khởi tố về tội “Cố ý gây thương tích”, đến ngày 21/6/1999, được đình chỉ điều tra bị can theo Quyết định đình chỉ điều tra số 17/QĐ;

- Ngày 08/01/2025, bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 17 năm tù giam, về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại tạm giam số 01 - Công an tỉnh V (có mặt).

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn R**, sinh năm 1989 tại tỉnh Hậu Giang; Nơi cư trú: H ấp X, thị trấn R, huyện C, tỉnh Hậu Giang - nay là xã T, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Ý và bà Trương Thị X; Có vợ là Trần Thị Diễm T1 (đã ly hôn) và có 01 người con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 08/01/2025, bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 13 năm tù giam, về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại tạm giam số 01 - Công an tỉnh V (có mặt).

3. Họ và tên: **Nguyễn Ngọc L3**, sinh năm 1991 tại tỉnh Cà Mau; Nơi thường trú: 196, ấp H, xã T, huyện Đ - nay là xã T, tỉnh Cà Mau; Nơi tạm trú: 1 L, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng - nay là phường P, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Ngọc D; Chị em ruột có 02 người, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 08/01/2025, bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 08 năm tù giam, về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại tạm giam số 01 - Công an tỉnh V (có mặt).

Người bào chữa chỉ định cho các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn R, Nguyễn Ngọc L3: Ông Huỳnh Anh T2 là Luật sư của Công ty L4 và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

- *Bị hại:* ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1947; Nơi cư trú: ấp Đ, xã Đ, thị xã B - nay là phường Đ, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Thái Minh Đ1, sinh năm 1989; Nơi cư trú: D N, Khóm A, Phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng - nay là phường P, thành phố Cần Thơ (có mặt).

* Ngoài ra trong vụ án còn có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác và các nhân chứng, nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 05 giờ 00 phút ngày 07/6/2023 bà Bùi Bảo N1 đến Công an xã Đ, thị xã B, tố giác về việc ông Bùi Văn Đ (cha ruột) bị mất trộm cây mai vàng trồng ở sân phía trước nhà.

Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã B, tỉnh Vĩnh Long tiến hành khám nghiệm hiện trường, tại biên bản khám nghiệm hiện trường ghi nhận: khu vực trên sân nhà có trồng nhiều cây mai và cách cửa chính nhà ông Đ 9,60 mét là vị trí cây mai bị mất trộm được trồng dưới đất, kế bên phát hiện rễ cây mai bị cưa nằm cạnh nhau và cách vị trí bầu đất khoảng 2,20 mét là vị trí ngọn mai bị cưa, phần còn lại ngọn cây mai bị cưa dài 2,70 mét, phần mặt cắt có kích thước 0,78x0,80 mét. Đồng thời, tại hiện trường thu giữ 01 (một) cây kéo cắt kiềng bằng kim loại dài 0,20 mét; 01 (một) chiếc đèn pin đội đầu; 02 (hai) đoạn kim loại hàng rào lưới B40 bị cắt.

Qua làm việc bị hại ông Bùi Văn Đ khai nhận: Trước đó khoảng cuối năm 2022 đến đầu năm 2023, Nguyễn Văn S và Nguyễn Ngọc L3 đến nhà ông xem và hỏi mua cây mai vàng lớn nhất tại vườn của ông có đặc điểm mai xù, hoành eo trên thân cây khoảng 01 mét, hoành eo cổ rễ khoảng 1,05 mét, tán ngang 05 mét, chiều cao cây mai khoảng 04 mét, trên cổ cây có 01 cọng rễ quăn ngang (cây mai bị mất). Sau đó, S và L3 có đến nhà của ông Đ thêm 02 lần và đồng ý mua với giá 1.600.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm triệu đồng) và hẹn 10 ngày sau sẽ đến đặt tiền cọc. Khoảng 10 ngày sau, S điện thoại cho ông Đ nói không mua cây mai vì không có tiền đặt cọc. Cho đến khoảng 03 giờ 30 phút ngày 07/6/2023, ông Đ phát hiện cây mai bị mất trộm và cung cấp hình ảnh cây mai chụp trước khi bị mất trộm; 01 camera ghi nhận hình ảnh đối tượng là 01 thanh niên đang đào trộm cây mai và giao nộp 01 (một) cây xuống dài 40cm, lưới rộng 07cm thân bằng kim loại dùng để đào đất mà ông Đ tìm thấy (BL 22; 23; 25; 26).

Ngày 09/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã B, tỉnh Vĩnh Long ra quyết định số: 09/QĐ-TT về truy tìm vật chứng cây mai vàng có kích thước hoành thân cây là 01 mét, chiều cao thân cây khoảng 04 mét; hình dạng thân cây xù và đặc điểm riêng biệt khác là có 01 rễ cây quăn ngang gốc (BL 63).

Cho đến ngày 03/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh T thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh V biết, sẽ tiến hành bắt nhóm đối tượng thực hiện hành vi trộm mai vàng gồm Nguyễn Văn S; Nguyễn Văn R; Nguyễn Ngọc L3; Bùi Vĩnh C; Nguyễn Văn T3; Nguyễn Văn T4. Từ đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh V đã phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh T và biết được Nguyễn Văn S có bán mai cho Công ty TNHH C1 phía -Lập xưởng Tân Huê V và người mua là Thái Minh Đ1.

Trên cơ sở đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh V tiến hành làm việc

với Thái Minh Đ1 thì Đ1 khai nhận: vào khoảng 20 giờ ngày 09/6/2023, Đ1 đang ngồi uống cà phê (quán nước giải khát gần nhà S), S chạy xe ngang nhìn thấy nên vào gặp Đ1 và nói “có cây mai lớn đẹp của 01 đại gia ở Cà Mau kẹt tiền bán”, Đ1 trả lời không mua, S nói “cầm cũng được”. Sau đó, S và Đ1 nói chuyện qua lại với nhau được một lúc thì Đ1 đồng ý, nên S dẫn Đ1 đến xem cây mai tại nhà S thuê ở T, Lê Văn T5, khóm D, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Tại đây, S dẫn Đ1 vào trong nhà khu vực nhà bếp của S, có để cây mai cao khoảng 1,2 mét, có 18 mặt cắt, bầu gốc có quấn băng keo, thấy cây mai đẹp nên Đ1 đồng ý mua với giá 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) và kêu S đem cây mai giao tại Công ty C2 cho Đ1 vào ngày 10/6/2023. Đ1 trả tiền mặt cho S (không nhớ) và chuyển tiền vào tài khoản số 070094568186 Ngân hàng S1 của Nguyễn Ngọc L3 (sống chung như vợ chồng với S) 07 lần với số tiền 350.800.000 đồng. Đến tháng 9/2023, Đ1 có điện thoại cho S đến Công ty C2 để vô chậu lại cây mai. Đồng thời, Đ1 cung cấp một số hình ảnh chụp cây mai lúc mới mua, hình ảnh S và giấy mua bán cây mai với S vào ngày 25/8/2023 (BL 453-456).

Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh V cho ông Bùi Văn Đ đến nhận dạng cây mai vàng ở Công ty C2 của Đ1, thì ông Đ xác định được cây mai mà Đ1 đang trồng trong chậu chính là cây mai của ông bị mất trộm (BL 64).

Theo Kết luận định giá tài sản số: 38/KL-ĐGTS ngày 12/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự - UBND thị xã B, tỉnh Vĩnh Long kết luận về giá trị tài sản thiệt hại (cây mai vàng có cành lá – thân cây xù, loại hoa 05 cánh; bề hoành thân là 01 mét, chiều cao thân cây khoảng 04 mét) là 1.450.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng) (BL 54).

Qua làm việc Nguyễn Ngọc L3 khai nhận: vào năm 2021, Nguyễn Ngọc L3 và Nguyễn Văn S sống chung như vợ chồng và thuê nhà ở trọ tại số A, L, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Trong thời gian chung sống thì S có hành nghề mua bán mai kiểng, thời gian này L3 thường thuê xe ô tô Vinfast mang biển số 83A-107.86 của anh Thạch Ngọc T6, để cho S tự lái và “từ ngày 01/6/2023 đến ngày 08/6/2023 S sử dụng xe ô tô biển số 83A-107.86 làm phương tiện đi lại mua bán mai và đi trộm mai, S thường đi cùng với R và T3”. Vào năm 2022 (ngày, tháng không nhớ), Nguyễn Ngọc L3, Nguyễn Văn S có quen biết với Lê Văn V1 và được V1 dẫn đến nhà của ông Bùi Văn Đ đi bằng xe ô tô hiệu Vinfast mang biển số 83A-107.86 xem cây mai vàng lớn có bề hoành 1,2m để hỏi mua và có hứa sẽ đặt cọc mua cây mai (đến nhà ông Đ 02 lần), nhưng do không có tiền nên S không đặt cọc. Đến khoảng tháng 6/2023, L3 thấy S đem cây mai về để tại nhà, sau đó thì S bán cho Thái Minh Đ1 với giá 400.000.000 đồng. Từ ngày 12/6/2023 đến ngày 25/9/2023, Đ1 chuyển tiền vào tài khoản của L3 với tổng số tiền 349.800.000 đồng. Sau đó, L3 và S (vào buổi chiều ngày, tháng không nhớ của năm 2023) có đến Công ty C2 của Đ1, để vô chậu lại cây mai có đặc điểm cao khoảng 1,2 mét, đã bị cắt tía hết cành lá, cắt sát các rễ cây, lúc đến nhìn thấy cây mai đang ngâm thuốc

trong thùng nhựa (BL 541; 543; 544; 557; 558).

Anh Thạch Ngọc T6 khai: trước đó L3 có quen và biết T6 có cho thuê xe ô tô tự lái. Tháng 02/2023, L3 đến gặp T6 thuê xe ô tô mang biển số 83A-107.86 với giá 400.000 đồng/ngày để cho S tự lái và làm phương tiện đi lại mua bán mai kiêng. Thời gian cho thuê xe thì T6 có gắn thiết bị giám sát hành trình (thường gọi là định vị) của Công ty cổ phần Đ2 D1 cung cấp dịch vụ. Cách 07-10 ngày thì thanh toán tiền thuê xe cho T6 01 lần với hình thức L3 chuyển khoản và có khi S là người trực tiếp trả tiền mặt. Sang thuê xe xuyên suốt, không có trả xe lần nào, cho đến tháng 10/2023 thì S và L3 bị bắt.

Trong thời gian T6 cho S thuê xe thì có gắn thiết bị định vị, cụ thể khi tốc độ bằng “0” thì T6 kiểm tra được xe đang đậu, thể hiện rõ các thông số, tọa độ nhất định, có thể hiện trên “bản đồ” hoặc “google map” (BL 483-484).

Căn cứ văn bản số 85/2023.AD-XNDL ngày 14/9/2023 của Công ty CP Đ3, về việc trích xuất dữ liệu của thiết bị giám sát hành trình xe 83A-10786 từ ngày 01/5/2023 đến ngày 14/9/2023 (BL 260-323).

Xe ô tô biển số 83A-107.86 bắt đầu xuất hiện và di chuyển trên Quốc lộ A, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long vào lúc 01 giờ 36 phút sáng ngày 07/6/2023, xe đậu tại đây không di chuyển cho đến 03 giờ 52 phút sáng mới di chuyển ra khu dân cư Đ, Quốc lộ E, xã Đ, thị xã B và di chuyển về hướng Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng...(BL 295-296).

Sau đó, xe ô tô biển số 83A-107.86 dừng không di chuyển và đậu tại nhà trọ của S ở đường L, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thời điểm 11 giờ 07 phút tối ngày 07/6/2023 và bắt đầu di chuyển lúc 07 giờ 54 phút sáng ngày 08/6/2023 (BL 303-304).

Căn cứ Kết luận giám định số 1602/KL-KTHS ngày 25/4/2024 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh - Bộ C3 kết luận giám định ADN của Lê Hồng K và Nguyễn Văn R (BL 134):

- Trên cây kéo cắt kiềng có dính tế bào người, của một nam giới. Kiểu gen của nam giới này trùng với kiểu gen của Nguyễn Văn R;
- Trên cây đèn pin đội đầu có dính tế bào người. Phân tích được kiểu gen không hoàn chỉnh, nên không truy nguyên được cá thể.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 82/KL-HĐ.ĐGTS ngày 07/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên xuyên trong tổ tụng hình sự - UBND tỉnh V kết luận: tài sản không còn giá trị sử dụng do gốc cây mai vàng không còn sự sống (đã chết) (BL 61-62).

Căn cứ Kết luận giám định số 329/KL-KTHS ngày 27/6/2024 của Phòng K1 - Công an tỉnh V (04 tệp tin video được lưu trong 01 USB, dung lượng 7.2GB) do ông Bùi Văn Đ cung cấp và 01 đĩa DVD, loại 4.7GB do Trần Thắng T7 cung cấp,

về việc trích xuất và lập bản ảnh nhận dạng người trên xe kéo thùng và đối tượng trộm cắp gốc cây mai (BL 72-113).

Kết quả trích xuất dữ liệu thông tin cuộc gọi, tin nhắn của Viễn thông Quân đội V2 đối với số thuê bao điện thoại 0983789292 của Nguyễn Văn S và Công ty D2 khu vực 9 đối với số thuê bao 0775878665 của Nguyễn Văn R ghi nhận (BL 167-171):

- Lúc 03 giờ 56 phút 24 giây đến 03 giờ 44 phút 35 giây thuê bao 0775878665 và 0983789292 đều trên địa phận thị xã B, tỉnh Vĩnh Long;

- Lúc 03 giờ 44 phút 35 giây thuê bao 0775878665 của R gọi thuê bao 0983789292 của S thời lượng 61 giây;

- Lúc 03 giờ 55 phút 54 giây thuê bao 0775878665 của R gọi thuê bao 0983789292 của S thời lượng 00 giây;

- Lúc 03 giờ 56 phút 24 giây thuê bao 0775878665 của R gọi thuê bao 0983789292 của S thời lượng 31 giây.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh V thu giữ 06 (sáu) đoạn video được lưu giữ trong USB và đĩa DVD của ông Bùi Văn Đ, ông Trần Thắng T7 và bà Phạm Bích T8 cùng giao nộp vào ngày 07/6/2023.

Kết luận giám định số 329/KL-KTHS ngày 27/6/2024 của Phòng K1 - Công an tỉnh V kết luận: không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa trong 05 tệp tin video, xác định chỉ có một người thực hiện hành vi cắt tỉa hết các cảnh, cắt ngọn, đào cắt rễ gốc cây mai, sau đó đã lẩn gốc cây mai hướng lưới rào B40 ra ngoài rào. Trích xuất và lập bản ảnh nhận dạng người trên xe kéo thùng xác định chỉ có một người điều khiển xe mô tô kéo theo thùng xe kéo chứa một vật chưa rõ đặc điểm được che đậy bởi một tấm bạc nhựa.

Kết luận giám định số: 330/KL-KTHS ngày 14/6/2024 của Phòng K1 - Công an tỉnh V lập bản ảnh xác định chỉ có một người điều khiển xe mô tô kéo theo thùng xe kéo chứa một vật chưa rõ đặc điểm.

Trong quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Văn S không chịu hợp tác làm việc với Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh V, không khai nhận hành vi phạm tội của mình, nhưng căn cứ vào tài liệu trích xuất dữ liệu của thiết bị giám sát hành trình đã được kiểm tra, giám định thể hiện xe ô tô biển số 83A-10786 bắt đầu xuất hiện trên địa bàn xã Đ, thị xã B từ lúc 11 giờ 49 phút tối ngày 06/6/2023 cho đến 04 giờ 09 phút sáng ngày 07/6/2023 mới rời khỏi địa bàn xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Qua trích xuất dữ liệu điện thoại của Nguyễn Văn S, số thuê bao 0983789292 của Tập đoàn V2 thể hiện vào lúc 03:44:34 và 03:56:23 ngày 07/6/2023 có gọi đi số 0775878665 của Nguyễn Văn R (địa chỉ trạm BTS tại ấp Đ và ấp P, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long). Từ đó có đủ cơ sở kết luận Nguyễn Văn S

là người liên lạc và điều khiển xe chở cây mai mà Nguyễn Văn R đã trộm được (BL 168-169; 294-295).

Đối với Nguyễn Văn R trong quá trình điều tra bị cáo không khai nhận hành vi phạm tội, chưa qua địa phận Vĩnh Long lần nào. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra thu thập tài liệu, vật chứng thu giữ tại hiện trường là 01 cây kéo; 01 đèn pin đội đầu. Qua kết quả trưng cầu giám định đã thu được ADN trên cây kéo trùng với ADN của Nguyễn Văn R. Trích xuất dữ liệu camera do Bùi Văn Đ, Phạm Bích T8, Trần Thắng T7 cung cấp có hình ảnh tương đồng đối với Nguyễn Văn R. Đồng thời, trích xuất dữ liệu điện thoại 0775878665 thuê bao của Nguyễn Văn R thể hiện 03:44:35 - 03:55:54 - 03:56:24 ngày 07/6/2023 có liên hệ với số điện thoại 0983789292 của Nguyễn Văn S trên địa bàn thị xã B (BL 171).

Đối với Thái Minh Đ1: việc Đ1 mua cây mai do S bán, Đ1 không biết cây mai này do S phạm tội mà có, không có dấu hiệu phạm tội tiêu thụ tài sản. Từ đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh V không đề cập xử lý.

Về trách nhiệm hình sự, dân sự: ông Bùi Văn Đ yêu cầu xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật và yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 1.450.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng). Hiện các bị cáo chưa bồi thường cho ông Đ khoản tiền nào.

Ông Thái Minh Đ1 yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn S trả lại số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng).

Tại Cáo trạng số 67/CT-VKS-PI, ngày 27/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã truy tố: Các bị cáo Nguyễn Văn Sang, Nguyễn Văn Rô, Nguyễn Ngọc L3, về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2025/HS-ST ngày 28/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

[1] Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn R, Nguyễn Ngọc L3 phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

[2] Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 173; Điều 17, Điều 38, khoản 2 Điều 51 và Điều 58, khoản 1 Điều 56, điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự,

[2.1] Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 15 (mười lăm) năm tù.

Tổng hợp hình phạt 17 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” của Bản án số 24/2025/HS-PT ngày 08/01/2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 30 (ba mươi) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/10/2023.

[2.2] Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn R 13 (mười ba) năm tù.

Tổng hợp hình phạt 13 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” của Bản án số 24/2025/HS-PT ngày 08/01/2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo Nguyễn Văn R phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 26 (hai mươi sáu) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/10/2023.

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 173; các điểm m, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; khoản 1 Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự,

[2.3] Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc L3 07 (bảy) năm tù.

Tổng hợp hình phạt 08 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” của Bản án số 24/2025/HS-PT ngày 08/01/2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo Nguyễn Ngọc L3 phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 15 (mười lăm) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/10/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm bồi thường, về xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo.

Cùng ngày 02/6/2025, các bị cáo S, R và L3 kháng cáo kêu oan.

Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Ngọc L3 thừa nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn R kêu oan, cho rằng không thực hiện hành vi trộm cắp cây mai vàng của ông Đ; ông Thái Minh Đ1 không có ý kiến đối với bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo S, R, Lam làm trong hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

2. Về yêu cầu kháng cáo của các bị cáo S, R, L3:

- Về tội danh: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo L3 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo S và R kêu oan. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của bị cáo L3, lời khai của ông V1, ông Đ, các kết luận giám định, trích xuất hành trình của xe ô tô 83A-10786, kết quả trích xuất các cuộc gọi giữa số điện thoại 0983789292 của bị cáo S và số điện thoại 0775878665 của bị cáo R...có căn cứ để xác định chính các bị cáo S, R và L3 đã chiếm đoạt cây mai của ông Đ có giá trị 1.450.000.000 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo S, R, L3 về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

- Về hình phạt: Bản án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho các bị cáo và mức án mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với từng bị cáo

là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo L3 01 năm tù, giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo S và bị cáo R.

Luật sư bào chữa chỉ định cho các bị cáo phát biểu:

- Về tội danh: Cơ quan điều tra chưa tiến hành thực nghiệm điều tra để làm rõ việc đào, vận chuyển cây mai từ hiện trường về nhà trọ của bị cáo S và bị cáo L3; kết luận giám định thể hiện chỉ có một người có hình dáng tương đồng với bị cáo R nhưng bản án sơ thẩm xác định đó là bị cáo R là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Bị cáo Nguyễn Văn S: Bị cáo không biết cây mai của ông Bùi Văn Đ như thế nào, Cơ quan điều tra chưa cho bị cáo đối chất với ông Đ, nhưng bản án sơ thẩm buộc bị cáo chiếm đoạt cây mai này là không có căn cứ. Bị cáo kêu oan.

Bị cáo Nguyễn Văn R: Bị cáo không biết tại sao cây kim có ADN của bị cáo lại ở hiện trường của vụ án; Cơ quan điều tra không giám định có phải giọng nói của bị cáo trong các cuộc gọi cho bị cáo S hay không; kết quả trích xuất camera thấy có một người kéo xe, có dáng dấp giống bị cáo nhưng bản án sơ thẩm xác định đó là bị cáo là không đúng. Bị cáo kêu oan.

Bị cáo Nguyễn Ngọc L3: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo S, R kêu oan; bị cáo L3 xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo S, R, Lam làm trong hạn luật định nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo S, R và L3, nhận thấy:

[2.1] Về tội danh: Tại cơ quan điều tra, phiên toà sơ thẩm, các bị cáo S, R, L3 không hợp tác, không khai báo, không thừa nhận hành vi phạm tội và kêu oan; tại cấp phúc thẩm bị cáo L3 xác định bản án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo S là có căn cứ, không oan. Bị cáo L3 xin giảm nhẹ hình phạt.

Xét đơn kháng cáo kêu oan của các bị cáo S và R, nhận thấy:

[2.1.1] Tại các biên bản ghi lời khai, biên bản nhận dạng người, ông Lê Văn V1 (là người giới thiệu mua bán mai) xác định ông V1 01 lần dẫn bị cáo S, L3 đến nhà ông Đ để xem mai; 01 lần bị cáo S, L3 đến nhà ông Đ nhưng không có mặt ông V1, ông V1 chỉ thông báo với ông Đ qua điện thoại. Lời khai của ông V1 phù hợp với lời khai của ông Đ rằng bị cáo S, L3 02 lần đến nhà ông Đ xem mai;

[2.1.2] Tại Biên bản ghi lời khai ngày 21/11/2023 (bút lục 451-452), bị cáo L3 khai “cây mai mà anh S bán cho anh Đ1 là cây mai cao khoảng 1,2m -1,3m, cây có hoành to khoảng 1,2m, cây được cắt hết cành, nhánh và cắt đọt, cây mai này do anh S đem về nhà tôi không biết cụ thể anh đem về với ai về lúc nào, còn nguồn gốc cây mai vàng là tôi biết của chú ba Đ ở B, Vĩnh Long. Cây mai này thì vào năm 2022 tôi và anh S được anh V1 ở Vĩnh Long giới thiệu và dẫn tới nhà chú ba Đ xem cây...sau đó tôi và anh S có đến lần nữa để nói là không gom đủ tiền mua cây...”; tiếp đó tại bút lục số 544, bị cáo L3 khai thêm, từ ngày 01/6/2023 đến ngày 08/6/2023 bị cáo S sử dụng xe ô tô hiệu Vinfast màu trắng, xe thuê của ông Thạch Ngọc T6 để đi mua bán mai và đi trộm mai; tại bút lục số 481 đến 484, người làm chứng là ông Thạch Ngọc T6 khai: Lam đã thuê ô tô biển số 83A-10786 của ông để bị cáo S tự lái và làm phương tiện di chuyển.

[2.1.3] Tài liệu trích xuất dữ liệu của thiết bị giám sát hành trình (bút lục từ 249 đến 295) đã được kiểm tra, giám định thể hiện xe ô tô biển số 83A-10786 bắt đầu xuất hiện trên địa bàn xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long từ lúc 11 giờ 49 phút tối ngày 06/6/2023 cho đến 04 giờ 09 phút sáng ngày 07/6/2023 mới rời khỏi địa bàn xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

[2.1.4] Tại Kết luận giám định số 1602/KL-KTHS ngày 25/4/2024 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh - Bộ C3 (bút lục số 124) kết luận “trên cây kéo cắt kiềng được niêm phong theo quy định trong túi mã số NS2 060212 có dính tế bào người, của một nam giới. Kiểu gen của nam giới này trùng với kiểu gen của Nguyễn Văn R”.

[2.1.5] Tại Kết quả trích xuất dữ liệu thông tin cuộc gọi, tin nhắn của Viễn thông Quân đội V2 đối với số thuê bao điện thoại 0983789292 của Nguyễn Văn S và Công ty D2 khu vực 9 đối với số thuê bao 0775878665 của Nguyễn Văn R (bút lục số 167 đến 171) ghi nhận: Lúc 03 giờ 56 phút 24 giây đến 03 giờ 44 phút 35 giây ngày 07/6/2023 thuê bao 0775878665 và 0983789292 đều trên địa phận thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

[2.1.6] Tại Hợp đồng mua bán ngày 25/8/2023 có kèm theo các tấm ảnh do ông Thái Minh Đ1 cung cấp (các bút lục từ 390 đến 395), Biên bản nhận dạng ngày 01/3/2024 (bút lục số 158) ông Đ1 xác nhận mua cây mai trong hình ảnh với giá 400 triệu đồng và trả tiền cho bị cáo L3.

[2.1.7] Tại Kết luận định giá tài sản số 38/KL-ĐGTS ngày 12/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự - UBND thị xã B, tỉnh Vĩnh Long kết luận về giá trị cây mai vàng bị lấy trộm là 1.450.000.000 đồng.

Từ việc viện dẫn lời khai của các bị cáo, nhân chứng, người liên quan, kết quả trích xuất dữ liệu điện tử, các kết luận giám định giám định vừa nêu ở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ căn cứ pháp lý để kết luận: Các bị cáo S, R, L3 đã cùng tổ chức thực hiện hành vi trộm cây mai vàng có cành lá - thân cây xù, loại hoa 05

cánh, có chu vi 01 mét, chiều cao thân cây khoảng 04 mét, có giá trị 1.450.000.000 đồng của ông Đ.

Hành vi của các bị cáo S, R và L3 trong việc trộm cây mai của ông Đ lần này giống như cách thức, thủ đoạn của chính các bị cáo này trong việc trộm cây mai của ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn N2 tại tỉnh Tiền Giang đã bị Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2024/HS-ST ngày 29/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang và Bản án hình sự phúc thẩm số 24/2025/HS-PT ngày 08/01/2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử.

Các bị cáo S, R, L3 là những người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là phạm tội, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài, các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

Hành vi của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang cực độ trong nhân dân, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Với hành vi nêu trên, bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*”, với tình tiết định khung tăng nặng “*Chiếm đoạt tài sản trị giá 500 triệu đồng trở lên*”, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

[2.2] Về hình phạt:

Đối với các bị cáo S và R: Tại cấp phúc thẩm, hai bị cáo tiếp tục kêu oan, không thừa nhận hành vi phạm tội, không cò tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với 02 bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi của 02 bị cáo. Do đó, kháng cáo của các bị cáo S, R là không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với bị cáo L3: Tại cấp phúc thẩm bị cáo L3 đã có chuyển biến về nhận thức, khai nhận hành vi thuê xe để bị cáo S đi trộm cây mai của ông Đ, cung cấp số tài khoản để ông Đ1 chuyển tiền mua cây mai này. Do đó, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3] Từ những phân tích nêu trên xét thấy kháng của các bị cáo S và R là không có căn cứ để chấp nhận, kháng cáo của bị cáo L3 là có căn cứ để chấp nhận. Cần sửa bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo S và R mỗi người phải nộp 200.000 đồng, bị cáo L3 không phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn R; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc L3. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2025/HS-ST ngày 28/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

[1] Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn R, Nguyễn Ngọc L3 phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

[1.1] Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 173, Điều 17, Điều 38, khoản 2 Điều 51 và Điều 58, khoản 1 Điều 56, điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S 15 (mười lăm) năm tù.

Tổng hợp hình phạt 17 (mười bảy) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” của Bản án số 24/2025/HS-PT ngày 08/01/2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 30 (ba mươi) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/10/2023.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn R 13 (mười ba) năm tù.

Tổng hợp hình phạt 13 (mười ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” của Bản án số 24/2025/HS-PT ngày 08/01/2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo Nguyễn Văn R phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 26 (hai mươi sáu) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/10/2023.

[1.2] Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 173; các điểm m, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; khoản 1 Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc L3 05 (năm) năm tù.

Tổng hợp hình phạt 08 (tám) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” của Bản án số 24/2025/HS-PT ngày 08/01/2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo Nguyễn Ngọc L3 phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 13 (mười ba) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/10/2023.

[2] Tạm giam các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn R và Nguyễn Ngọc L3 trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày để đảm bảo thi hành án.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn R mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Nguyễn Ngọc L3 không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày thời hạn hết kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT và KSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Công an tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Trại tạm giam số 01 - Vĩnh Long;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HSVA, HCTP (NTCL).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Khoa

